

THƯỢNG TƯỚNG NGUYỄN PHẠM TUÂN VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG BÌNH

NCS. HÀ THỊ SƯƠNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Tp.HCM

Vào cuối thế kỷ XIX, xã hội phong kiến Việt Nam ngày một rối ren, Đảng Trong thì nội bộ lung củng đổ ky nhau, Đảng Ngoài thì thực dân Pháp ra sức lấn chiếm.

Trước sức mạnh của chủ nghĩa thực dân với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, triều đình phong kiến nhà Nguyễn liên tục phải ký các hiệp ước đầu hàng với Pháp. Sau khi triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký các hiệp ước bán nước, khắp nơi trên đất nước ta từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ rồi Nam Kỳ, phong trào kháng chiến chống Pháp nổi lên mạnh mẽ, đặc biệt là khi vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương thì phong trào khởi nghĩa lan rộng ra khắp các tỉnh, làm cho thực dân Pháp hoang mang lo sợ.

Ở Quảng Bình, phong trào kháng chiến của nhân dân nổi lên rầm rộ, vùng Nam Quảng Bình có Đề Phú, Đề Ân, Đề Chít... Họ lập căn cứ ở vùng núi, đánh tập kích các đường giao thông, đồn bốt địch. Phía Bắc có Cao Thượng Chí (Mai Hoá - Tuyên Hoá), ở Quảng Trạch có Mai Lượng, Trung Thuần có Lê Tuấn, Đồng Hới có Nguyễn Phạm Tuân - nguyên là Tri phủ Đức Thọ (Hà Tĩnh) mới treo ấn từ quan về quê hưởng ứng chiếu Cần Vương đứng ra chiêu mộ nghĩa sĩ rồi cùng nhau đi tìm vua Hàm Nghi ở Tuyên Hóa.

1. Thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Phạm Tuân

Nguyễn Phạm Tuân sinh năm Nhâm Dần (1842) mất năm Đinh Hợi (1887), tự là Tử Trai, sau đổi là Dưỡng Tăng, hiệu Minh Phong¹, quê ở làng Kiên Bính, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh (nay là thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình). Ông sinh ra trong một gia đình nho học, nhiều đời cha con cùng thi đỗ đồng khoa, nhiều đời là công thần nhà Lê.

Theo một số nguồn tư liệu, Nguyễn Phạm Tuân vốn xưa là thuộc dòng họ Phạm, chính quê ở thôn Văn Thượng, xã Lực Canh, tổng Xuân Canh, huyện Đông Anh, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), vì phạm tội phải trốn tránh vào Thuận Hóa đổi ra họ Nguyễn để khỏi bị truy lùng

¹. Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế (1997), Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, tr.584.

nhập tịch làng Kiên Bính.²

Gia phả dòng họ Nguyễn Phạm ở phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới còn ghi, từ khi ông cao tổ là Nguyễn Doãn Thanh đổi họ ra họ Nguyễn thì lấy chữ lót là Nguyễn Doãn (Thanh), Nguyễn Đức (Viện), Nguyễn Đăng (Đạo). Nhưng đến đời thân sinh của ông Nguyễn Phạm Tuân mới dùng chữ “Phạm” làm tên lót cho con cháu, để nhắc lại gốc tích của dòng họ mình. Do đó, ông mới được đặt tên là Nguyễn Phạm Tuân.

Năm Kiến Phước, Giáp Thân (1884), tu chính lại gia phả ông có ghi:

“... Từ đời thế tổ trở về trước là họ Phạm

Từ đời cao tổ trở về sau là họ Nguyễn

Nay truyền về sau là Nguyễn Phạm...”

Kiến Phước, Giáp Thân, tháng giêng mùa xuân ngày lành”.³

Thân sinh Nguyễn Phạm Tuân là ông Nguyễn Đăng Đạo, dạy học ở Quốc tử giám (Huế) dưới thời vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, sau được bổ ra làm quan Tri huyện Phong Đăng (Quảng Trị) và qua đời khi Nguyễn Phạm Tuân mới lên 6 tuổi.⁴

Sau khi thân sinh ông qua đời đã để lại cho mẹ ông gánh nặng là nhà nghèo, con đông. Tuy nhỏ tuổi nhưng ông phải phụ mẹ trong những công việc nhà và những việc làm ăn. Vì vậy, Nguyễn Phạm Tuân bước vào nghiệp khoa cử khá muộn. Nhưng vốn là người thông minh, ham học và học rất giỏi nên Nguyễn Phạm Tuân được chọn vào trường tỉnh. Năm Quý Dậu (1873), Nguyễn Phạm Tuân đỗ Cử nhân, đứng thứ 19. Năm Đinh Sửu (1877), trong kỳ thi Hội, bài làm của ông được chọn vào phúc hạch nhưng không đỗ tiến sĩ. Sau đó, năm 1878, ông được bổ nhiệm làm Hành tâu bộ Lễ.⁵

Năm 1878, trong nước xảy ra tình trạng nhiều nơi bị đói kém, ông được triều đình tín nhiệm giao phụ trách công việc cứu đói. Với tấm lòng yêu nước thương dân, ông đã cho thực hiện nhiều biện pháp chống đói hiệu quả, góp phần giúp dân thoát khỏi nạn đói. Nhờ thành tích đó, ông được triều đình khen thưởng và thăng hàm Biên tu, được cử làm Huấn đạo huyện Bố Trạch, rồi Tri huyện Tuyên Hóa (Quảng Bình). Năm Giáp Thân (1884), ông được thăng

². Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), Danh nhân Quảng Bình, tập 2, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.119.

³. Gia phả họ Nguyễn Phạm do cụ Nguyễn Phạm Tôn ở phường Đồng Sơn, thị xã Đồng Hới lưu giữ. Dẫn theo Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), Sđd, tr.119.

⁴. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Danh nhân quân sự Việt Nam, tập 5, Thời Nguyễn - Kháng chiến chống thực dân Pháp và giai đoạn đầu Cần Vương, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.169.

⁵. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Sđd, tr.169-170.

chức lên làm Tri phủ huyện Đức Thọ (Hà Tĩnh). Tại đây, vừa nhận chức thì trong hạt gặp nạn hạn hán đe dọa mùa màng, ông liền ra sức vận động nhân dân bảm lấy ruộng đồng ngày đêm khai mương dẫn thủy, góp phần hạn chế thất bát, để lại “ân đức” mà nhiều người dân ở Đức Thọ, Hà Tĩnh cùng thời vẫn luôn khắc ghi.

Tuy chỉ giữ một chức quan ở địa phương nhưng Nguyễn Phạm Tuân luôn quan tâm đến tình hình trong nước. Với tấm lòng yêu nước, thương dân, ông xót xa trước cảnh triều đình ngày càng rối ren, để thực dân Pháp lợi dụng cơ hội lần lượt đánh chiếm gần hết Bắc Kỳ và chiếm cả Thuận An, triều đình hết nhượng bộ Pháp đến cầu cứu Mãn Thanh. Giữa năm 1885, nghe tin kinh đô Huế lọt vào tay giặc, đau lòng trong cảnh giặc ngoài xâm lược mà bên trong vua chúa, phe phái tranh giành nhau quyền lực, Nguyễn Phạm Tuân quyết định bỏ ấn, từ quan, đưa gia đình về quê hương Đồng Hới, rồi định quyền sinh vì thấy triều đình nhu nhược nhưng người nhà cứu kịp và khuyên giải.⁶ Từ đây, ông cùng với nhân dân, với các tầng lớp sĩ phu đứng ra chiêu mộ nghĩa quân, tập hợp binh lính lên vùng Tuyên Hóa, tìm gặp vua Hàm Nghi, xin đi theo đánh Pháp.

Tháng 10 năm 1885, Nguyễn Phạm Tuân gặp vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết ở Tuyên Hóa, được nhà vua phong chức Tán trưng Quân vụ quân thứ Quảng Bình. Ông chọn xóm Thác Đài, làng Cổ Liêm, huyện Tuyên Hóa làm sở chỉ huy, trung tâm lãnh đạo phong trào Cần Vương. Từ đây, phong trào Cần Vương ở tỉnh Quảng Bình được nhen nhóm và phát triển khá rầm rộ dưới sự lãnh đạo của ông cùng các văn thân, sĩ phu yêu nước.⁷

Trước tình hình này, triều đình Đồng Khánh mới được dựng lên sau biến kinh thành vào tháng 7 năm 1885 đã câu kết với thực dân Pháp đẩy mạnh các hoạt động đàn áp, khủng bố những người yêu nước kháng chiến, với mục đích dập tắt được phong trào Cần Vương vừa mới hình thành. Trong tác phẩm Đại Nam thực lục có viết tháng 10 năm 1885, “thân hào các phủ, huyện: Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Bố Trạch thuộc hạt Quảng Bình khởi loạn, dựng các hiệu cơ: “Cần Vương cử nghĩa” (thủ xướng là nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân). Nhiều lần các phủ, huyện ấy hoặc trốn tránh, hoặc bị bắt. Vua chuẩn cho Viện Cơ mật bàn với Phó đô thống Pháp, phải định liệu rất khẩn; một mặt tự do tỉnh ấy bàn với người Pháp đóng ở tỉnh ấy, hiệp sức đánh dẹp, không cho chúng tràn ra”.⁸

⁶. Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thế (1997), Sđd, tr.585.

⁷. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Sđd, tr.171.

⁸. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, tập 9, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, tr.201.

Từ cuối năm 1885, thực dân Pháp và tay sai đem hết đạo quân này đến đạo quân khác đi sâu vào miền rừng núi ở các tỉnh như Quảng Bình - Hà Tĩnh hòng bắt cóc Hàm Nghi và triều đình kháng chiến. Tới đầu năm 1896, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Nguyễn Phạm Tuân và các tướng liên tiếp đánh bại nhiều cuộc tấn công lớn của địch. Ngày 17 tháng 1 năm 1886, tại Khe Ve, nghĩa quân tiêu diệt được viên quan hai Pháp tên là Camus, trước đó viên ba Pháp là Hugo cũng bị bắn trọng thương, về đến Vinh thì chết. Khoảng một tuần sau, cũng tại Khe Ve, nghĩa quân đã chiến đấu dũng cảm, đánh lui một đội quân do viên thiếu tá Pelletier chỉ huy, diệt nhiều lính Pháp. Hai trận thắng này không những góp phần củng cố thêm tinh thần chiến đấu của nghĩa quân mà còn thu hút được nhiều thanh niên trai tráng trong vùng gia nhập nghĩa quân.⁹

Từ giữa tháng 2 năm 1886, sau khi tăng cường lực lượng, quân Pháp và tay sai tiếp tục mở một chiến dịch càn quét lớn vào căn cứ nghĩa quân hòng bắt sống vua Hàm Nghi và tiêu diệt nghĩa quân. Chúng chia lực lượng làm ba mũi nhất loạt tiến công vào khu vực sơn phòng Hà Tĩnh. Nhưng khi chúng vừa tiến vào căn cứ của quân Cần Vương ở Khe Ve đã bị nghĩa quân chặn đánh quyết liệt. Những người dân mà địch bắt đi dẫn đường đã đưa chúng lạc vào rừng rậm. Lợi dụng triệt để yếu tố địa hình rừng núi, vận dụng chiến thuật phục kích, bắn tỉa, nghĩa quân đã gây cho địch nhiều tổn thất, buộc chúng phải bỏ dở cuộc hành quân, rút về Đồng Hới.

Tuy giành được những thắng lợi nhất định trong một số trận đánh, nhưng từ đầu năm 1886, lực lượng nghĩa quân cũng bị giảm sút, vấn đề lương thực, vũ khí chiến đấu ngày càng khó khăn do bị bao vây, phong tỏa gắt gao. Trước tình hình đó, tháng 3 năm 1886, Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn quyết định sang Trung Quốc cầu viện, đã trao toàn quyền quân đội và nội chính cho Nguyễn Phạm Tuân với chức Thượng tướng cùng Đề đốc Lê Trực và hai con trai của Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chống Pháp. “Ông là người giữ ấn tín của vua Hàm Nghi và có vai trò to lớn trong việc chỉ huy nghĩa quân chống lại các cuộc càn quét của giặc”.¹⁰ Trong thời gian này, nghĩa quân của ông chiến đấu rất dũng cảm và đã lập được nhiều chiến công, có lần đã đột nhập thành Quảng Bình giết Bộ chính Nguyễn Đình Dương tại Đồng Hới.

Bảy giờ quân của quan Đề đốc Lê Trực đóng ở mạn Thanh Thủy, thuộc huyện Tuyên Chánh; quân của Tôn Thất Đàm là con Tôn Thất Thuyết thì đóng ở mạn Hà Tĩnh, về hạt Kỳ Anh và Cẩm Xuyên. Còn Tôn Thất Thiệp và Nguyễn Phạm Tuân thì phò vua Hàm Nghi ở mạn huyện Thanh Hóa.¹¹

⁹. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Sđd, tr.172.

¹⁰. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Sđd, tr.173.

¹¹. Trần Trọng Kim (1999), Việt Nam sử lược, Nxb Văn hóa - Thông tin, tr.589-590.

Sau những lần càn quét mà không mang lại được kết quả, tháng 7 năm 1886, Đồng Khánh đã ra tặn Quảng Bình để yết sức: “Tất cả đầu mục bọn giặc biết dẫn thân đầu thú ở nơi hành tại, đều miễn tội: người nào nguyên trước có quan chức đều vẫn cho theo như cũ (sau các địa phương cũng theo chiếu thể mà làm); người nào bắt chém được đầu sỏ bọn phản nghịch là Hoàng Văn Phúc, Nguyễn Phạm Tuân thì thưởng quan hàm có thứ bậc (bắt sống thì bỏ quan tam phẩm và thưởng 200 lạng bạc; chém được thì bỏ làm quan tứ phẩm và thưởng 100 lạng bạc)”.¹² Sau đó, Đồng Khánh lại dùng chiêu bài mua chuộc, dụ dỗ thân hào giải tán binh đồng, trở về với triều đình. “Hiện nay, chuẩn cho cựu thần Hoàng Kế Viêm khai phục Đông các Đại học sĩ sung làm An phủ kinh lý đại thần Hữu trực kỳ cũng muốn cho yên dân, không phải muốn đánh lấy thắng. Từ nay, thân hào đều nên sớm biết quay đầu về, cho giải tán binh đồng, bó thân về với triều đình, hoặc do các địa phương, hoặc do các quân thứ các tỉnh bẩm xét. Trừ Lê Thuyết không thể dùng lại được, nếu chịu quay đầu về, tạm cho lui về nhàn tản ra, còn đám đầu mục giặc, người nào hễ trước có quan chức như bọn Trương Văn Ban, Nguyễn Trực, Nguyễn Thư, Lê Mô Khởi, Nguyễn Nguyên Thành, Phan Trọng Mưu, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Ngô Xuân Quýnh, Phạm Bành, Nguyễn Xuân, Lư Duy Tân, Lê Trí Thực, Lê Khắc Quýnh, Lê Đài, Hoàng Bất Đạt, Nguyễn Tư Thành, Lê Thiện Thi, đều được vẫn theo nguyên hàm lượng bỏ các tỉnh từ Quảng Bình, Quảng Trị trở vào Nam để cho mưu đồ lấy việc thiện sau che đậy tội ác trước, cùng với Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuân, Phan Đình Phùng nguyên chưa được buông tha, quả biết quay đầu về, có đủ thực trạng, xét ra là người thực lòng hối đổi thì trăm cũng khoan giảm tội trước, sẽ thưởng chức hàm cho yên lòng phản trắc”.¹³ Tuy đích thân vua Đồng Khánh đã ra chiếu phủ dụ những lãnh tụ phong trào Cần Vương chiêu hàng nhưng kế hoạch vẫn thất bại. Sau đó, Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình, sai người đi dụ ông Lê Trực về. Nhưng các ông ấy cứ nhất thiết không chịu, chỉ có bọn thủ hạ lác đác vài người ra thú mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng Kế Viêm ra kinh lược cũng không thành công, cho nên đến tháng 5 năm Đinh Hợi (1887), lại phải triệt về.

Triều đình ở Huế thấy dùng cách phủ dụ không được, bèn lấy quyền cho người Pháp tìm kế đánh dẹp.

Tháng 3 năm 1887, địch lại tấn công vào làng Cổ Liêm. Nghĩa quân chống cự dũng cảm, nhưng do lực lượng quá chênh lệch, nên cuối cùng đồn Thác Đài bị thất thủ. Để tính việc chống Pháp lâu dài, ông cùng một viên lãnh binh đem sáu chục nghĩa quân, vượt núi ra Hà Tĩnh để cùng các lực lượng vẫn thân ở đây

¹². Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Sđd, tr.270.

¹³. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Sđd, tr.282.

phối hợp hành quân và tìm cơ sở cho Hàm Nghi di chuyển ra Bắc.¹⁴ Kế hoạch này được những người chỉ huy nghĩa quân nhất trí nhưng không may trên đường ra Hà Tĩnh để chuẩn bị, Nguyễn Phạm Tuân bị lâm bệnh nên ngày 15 tháng 3 năm Đinh Hợi (1887), ông phải tạm rút về trở về Cổ Liêm để chữa trị.

2. Những kiến giải về việc bị bắt và cái chết của Nguyễn Phạm Tuân

Tuy nhiên, cụ thể ông lâm bệnh gì và vì sao ông bị bắt thì hiện nay trong các tài liệu vẫn đưa ra nhiều cách lý giải khác nhau.

Theo gia phả cụ Nguyễn Phạm Tôn mà nhà sử học Nguyễn Tú đã trình bày trong tác phẩm “Danh nhân Quảng Bình, tập 2” ông cho rằng: sau khi lui về Cổ Liêm điều trị “để đề phòng địch, ông đã phái người lãnh binh đưa một số lính đến Quy Đạt lập một điểm phòng ngự mà ông cho rằng Pháp muốn đến Cổ Liêm tất phải ngang qua đó. Không ngờ bọn thám báo dẫn một toán quân Pháp ban đêm vượt núi rừng và tờ mờ sáng ngày 9 tháng 4 năm 1887, chúng ập đến chỗ ông đang điều trị. Cuộc chiến đấu đã diễn ra rất ác liệt, nghĩa quân dũng cảm bảo vệ người chỉ huy của mình, xông lên đánh giáp lá cà với địch. Nguyễn Phạm Tuân từ trên giường bệnh, vùng dậy rút gươm giao chiến với tên quan ba Muto (Mouteaux) nhưng vì ông đã bị bệnh, sức yếu nên bị nó bắn trúng đầu gối, quy xuống. Ông bị bắt cùng với Tôn Thất Trọng (con Tôn Thất Thuyết). Giặc Pháp lục soát và thu được cả ấn của vua Hàm Nghi tại chỗ ở của ông. Chúng đưa ông về Minh Cầm ngay trưa hôm đó”.¹⁵

Còn theo Phan Đình Chúc trong tác phẩm “Vua Hàm Nghi” thì việc ông bị bắt được lý giải là:

Sau khi tấn công vào Cổ Liêm tháng 3 năm 1887, người Pháp cũng biết là thế lực của đảng vua Hàm Nghi chẳng được bao nhiêu, cốt tìm đường mà chiếm dần địa thế và mua chuộc những đứa làm tay trong, thì tất thế nào rồi cũng trừ hết được, bởi vậy cho nên không dùng đến đại binh.

Trước đại úy Mouteaux ở Quảng Bình đã cùng với ông cố Tortuyaux đem quân đi đánh lấy đồn của Lê Trực ở Thanh Thủy, nhưng quân của ông ấy vẫn không tan, cứ đành phá mãi. Đến tháng giêng năm Đinh Hợi (1887), đại úy Mouteaux đem quân lên lập đồn Minh Cầm đóng ở mé trên Thanh Thủy. Đồn Minh Cầm ở mạn sông Gianh (Linh Giang) thuộc tỉnh Quảng Bình. Đồn Minh Cầm là một đồn lớn. Đại úy Mouteaux lập đồn Minh Cầm cốt để chống giữ cả mấy phía.

Từ khi quân Pháp đóng đồn ở Minh Cầm, các ông Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuân phải lui lên mé trên. Ông Lê Trực thì ra mạn Hà Tĩnh, ông Nguyễn

¹⁴. Gia phả cụ Nguyễn Phạm Tôn, dẫn theo Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), Sđd, tr.119.

¹⁵. Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), Sđd, tr.124.

Phạm Tuân thì lên đóng ở làng Yên Lộc về phía sông Gianh.¹⁶

“Đồn Minh Cầm là con mắt của người Pháp để nhòm ngó đất Quảng Bình. Nếu đồn ấy còn thì mỗi hành động của Nam quân không thể nào qua được mắt người Pháp”.¹⁷

Nhận thức được điều này, Lê Trực và tiếp đến Nguyễn Phạm Tuân đã mấy lần đem quân đến phá đồn, nhưng đều không thành công, vì Nam quân đã quá yếu, không có sức để chống với quân Pháp. Tôn Thất Đàm liền nghĩ đến kế đầu độc. Kế ấy Đàm giao cho một tên đầy tớ thân tín là Nguyễn Trọng Duật, người Thanh Thủy đi hạ thủ.¹⁸

Một buổi sáng, Duật đến thăm đại úy Mouteaux, nói mình là quân của Lê Trực vì bị bạc đãi nên xin hàng.

Đại úy Mouteaux có nghi ngờ, nhưng cũng thu dùng song cho canh giữ cẩn thận.

Thoạt đầu Duật dẫn đường Mouteaux đánh mấy chỗ có tướng Nam ẩn. Nhưng tới nơi nào, Nam quân cũng đã lánh xa rồi. Vì việc Mouteaux định làm, Nguyễn Trọng Duật đều báo cho Nam quân biết.

Mười lăm ngày sau khi Duật ra hàng, quân Pháp đánh một đồn nhỏ, tình cờ bắt được một tập công văn, trong đó có bức thư Nguyễn Phạm Tuân gửi cho viên lãnh binh chưởng quản đồn này, dặn nên dự bị sẵn sàng để giúp cho Nguyễn Trọng Duật trong việc đầu độc quân Pháp.

Ngoài ra lại bắt được một tờ thông sức cũng của Nguyễn Phạm Tuân, trong đó nói:

“Quan Khâm sai Hà Tĩnh có gửi cho tôi một lá thư nói ngài đã cho đòi dân Mường tổng Cơ Xá lên dặn dò mọi việc. Ngài lại cho tiền Nguyễn Trọng Duật lên đút lót cho viên Bang tá Nguyễn Phiên hiện đã ra hàng quân Pháp, nhờ Phiên tiến dẫn với viên quản đồn Minh Cầm. Duật sẽ xin cung người Pháp các thức ăn như lợn, chè để lấy tín nhiệm và đưa người Mường đến đầu độc.

Tướng Pháp giao cho tên Duật việc đi mua voi. Giả là mang voi đến nộp, quân Mường sẽ xông vào mà giết người Pháp.

Dân Mường họ hết lòng trung thành với vua như thế. Không lẽ ta ăn cơm vua, hưởng lộc vua lại tỏ ý lãnh đạm thì chẳng thẹn với họ lắm sao?...”¹⁹

Đại úy Mouteaux đưa cho Duật xem bức thư. Duật không thể chối cãi

¹⁶. Trần Trọng Kim (1999), Sđd, tr.592.

¹⁷. Phan Trần Chúc (1995), Vua Hàm Nghi, Nxb Thuận Hóa, tr.157.

¹⁸. Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.157.

¹⁹. Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.158-tr159.

được, phải nhận.

Đại úy hẹn trong 4 ngày nếu Duật không dẫn quân Pháp đi bắt được những thủ lĩnh quan trọng thì Duật sẽ bị chém đầu.

Sợ chết, Duật phải chỉ chỗ Nguyễn Phạm Tuân ẩn.

Ngày 8 tháng 4 năm 1888, quân Pháp chia làm hai đội do hai người dẫn đường là Duật và cựu lý trưởng Lâm Lang. Nửa đêm, hai đội xông vào rừng thăm. Sau khi trèo non rẽ lá trong 6 giờ liền, sáng rõ quân đến triền sông Nam. Bắt những người dân quê qua đường đứng lại dọa hỏi, bọn này nói Nguyễn Phạm Tuân hiện ở Yên Lương, cách Tô Liêm 30 dặm. Sợ có người biết tin đi báo, quân Pháp chạy cực nhanh đến thẳng Yên Lương, bắt thêm 2 người dân quê nữa, dẫn đường đi trước.²⁰

“Một toán quân rẽ vào túp nhà cạnh đường ăn cơm, tình cờ bắt gặp Nguyễn Phạm Tuân cầm gươm lệnh và ấn tín chạy ra, liền bắn. Nguyễn Phạm Tuân bị đạn trúng sườn. Hai viên lãnh binh đi theo cũng bị bắn chết”.²¹

Quân Pháp đồn đường vào rừng, các tướng bộ hạ của Nguyễn Phạm Tuân ở trong xóm chạy ra đều bị bắn chết hay bắt sống.

Giữa đám người chết và bị thương nằm lăn lóc dưới đất. Đại úy Mouteaux nhận thấy Nguyễn Phạm Tuân tuy bị thương nặng, nhưng vẻ mặt vẫn điềm nhiên.

Đại úy Mouteaux rút lấy viên đạn ở cánh sườn Nguyễn Mạnh Tuân và cho băng buộc cẩn thận. Nguyễn Phạm Tuân ra vẻ ngạc nhiên, nhưng chỉ yêu cầu quân Pháp bồi thêm cho một viên đạn nữa để được nhanh chóng chết.

“Bên cạnh Nguyễn Phạm Tuân lúc ấy có một cậu nhỏ chừng bảy, tám tuổi. Cậu nhỏ đó là Tôn Thất Trọng, con thứ ba Tôn Thất Thuyết mà Thuyết đã phó thác cho Nguyễn Phạm Tuân trước khi sang Tàu”.²²

Trong số những người bị bắt có mấy vị quan nhỏ thuộc hạ của Nguyễn Phạm Tuân. Ngoài cờ trống và khí giới, quân Pháp nhặt được 7 cái mè đay vàng, mấy đồng bạc và một thỏi bạc. Cái di sản của Nguyễn rút lại chỉ có ngàn ấy.

Đại úy Mouteaux cho khiêng Nguyễn Phạm Tuân và giải những người bị bắt về đồn Minh Cầm (Tuyên Hóa) ngay trưa hôm đó. “Giặc tìm mọi cách mua chuộc để tìm chỗ ở của vua Hàm Nghi, nhưng trước sau ông không chịu khai.

²⁰. Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.159.

²¹. Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.160.

²². Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.160.

Chúng tổ chức ca hát, lại cho thầy thuốc đến chữa vết thương, nhưng ông không cho băng bó, phun thuốc vào mặt chúng. Ông không hề sợ hãi, tỏ ra khí phách hiên ngang làm cho quan quân Pháp hết sức kinh sợ, không dám đụng đến thân thể và xúc phạm danh dự của ông”.²³ Sau những lần tra hỏi bằng vũ lực mà không có kết quả, bọn Pháp lại dùng tiền bạc và danh vọng hòng dụ dỗ, mua chuộc ông. Có lần, tên đại úy Mouteaux khuyên ông: “Ngài nên cố ăn uống cho chóng khỏi, lành bệnh, nước đại Pháp sẽ hết sức trọng dụng ngài, xin ngài đừng sợ...”. Nhưng Nguyễn Phạm Tuân đã nổi giận thét lớn: “Tao bình sinh trọng cương trường, ghét đạo tặc. Cần nói cho mày biết, con mà chết vì cha, tôi mà chết vì vua, còn gì là phải sợ”.²⁴

Sáng sớm hôm sau, Nguyễn Phạm Tuân biết mình sắp chết bèn gọi cho đại úy Mouteaux đến gửi gắm Tôn Thất Trọng. Bọn chúng lại hỏi về vua Hàm Nghi, Nguyễn Phạm Tuân nói vua vẫn còn sống, song nhất định không chỉ cho vua ẩn, giữa lúc ấy Trọng Duật bước vào. Nguyễn Phạm Tuân ra vẻ khinh bỉ, chỉ vào mặt Duật nói: “Mày phản ta. Ta sắp chết. Nhưng ta nói trước mày biết là chỉ 4 hôm nữa, mày bị chém đầu”. Duật cúi thủ bước ra.²⁵

Nguyễn Phạm Tuân bị trúng đạn phía dưới tim, máu chảy ở trong bụng nhiều quá, cùng với việc ông không hợp tác với quân Pháp để chữa bệnh. Đến hai giờ sáng ngày 17 tháng 3 năm Đinh Hợi (tức 10/4/1887), Nguyễn Phạm Tuân dừng cảm tự vẫn. Sự việc xảy ra quá đột ngột đối với giặc Pháp. Đại úy Mouteaux cảm thấy như một cái tát vào mặt, hấn bâng hoàng ngẩn ngơ như rần sẩy môi, vì hấn chắc mẫm rằng, với mảnh khố xảo quyết thể nào cũng thực hiện được ý đồ của mình đó là khai thác chỗ ở của vua Hàm Nghi, hoặc chí ít cũng làm được những điều có lợi cho công cuộc bình định của hấn trên đất Quảng Bình. Cái chết của ông làm cho đại úy Mouteaux lòng lộn, điên tiết nên đã ném xác ông xuống sông Minh Cầm và cấm nhân dân không được vớt xác lên chôn cất. Nhưng bất chấp sự đe dọa của giặc, những người trung nghĩa đã vớt xác ông, đưa về mai táng ở làng Kim Thanh, sau đó ít năm cải táng ở vùng núi Yên Sơn (Mũi Vích), xã Yên Phong, huyện Quảng Trạch. Sau ngày đất nước thống nhất, những người hậu duệ của ông lại cải táng ông một lần nữa. Hiện nay, mộ của cụ Nguyễn Phạm Tuân nằm ở Đồng Cát, thuộc thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.²⁶

Sau khi Nguyễn Phạm Tuân mất, Tôn Thất Trọng và một vị Tham tri bị giải vô Huế. Các quan khác đều bị đưa ra chợ Minh Cầm bán chết.

²³. Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), Sđd, tr.125.

²⁴. Theo gia phả của cụ Nguyễn Phạm Tôn, dẫn theo Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Sđd, tr.175.

²⁵. Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.161.

²⁶. Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), Sđd, tr.126

Bốn hôm sau khi xảy ra tấm thảm kịch này. Duật vừa ra khỏi đồn, chợt có một bọn chừng 4, 5 người ở trong bụi nhảy ra nắm lấy Duật mà lôi đi. Trong đồn nghe tiếng kêu, liền phái 15 tên lính đuổi theo, nhưng bọn kia đã chạy loạn xạ, lính Pháp chỉ bắn theo cho nên không thiệt mạng đến ai hết.

Ngay chiều hôm đó, dư đảng của Nguyễn Phạm Tuân thiết lập linh vị ở Yên Lương, chém đầu Nguyễn Trọng Duật mà tế chủ.²⁷

Nguyễn Phạm Tuân chết, cuộc nổi dậy ở Quảng Bình cũng chết theo. Trừ tổng Thanh Lạng là nơi dân còn trung thành với vua Hàm Nghi, các làng trên sông Gianh lần lượt ra hàng.

3. Những đóng góp của Nguyễn Phạm Tuân

Đối với phong trào Cần Vương

Qua những trình bày trên về sự nghiệp của Nguyễn Phạm Tuân và những chỉ dụ của vua Đồng Khánh đã cho thấy vai trò to lớn của ông đối với phong trào Cần Vương. Ông là một danh nhân tiêu biểu trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX. Với tấm lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, ông đã từ bỏ quyền lợi riêng của bản thân và gia đình để đi theo tiếng gọi cứu nước, trở thành vị chỉ huy trực tiếp của nghĩa quân Cần Vương, người phò vua Hàm Nghi. Ông là tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu quả cảm, khí phách hiên ngang, bất khuất trước kẻ thù trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Đối với nền văn học Việt Nam

Tuy không phải là một nhà văn, nhà thơ nhưng khi nhắc đến thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX, không thể không nhắc tới bài thơ “Đề miếu Nguyễn Biểu” và “Câu đối làm khi bị bắt” của ông. Tác phẩm đã thể hiện nên nghĩa khí của một vị danh nhân, một lãnh tụ của phong trào yêu nước chống Pháp.

Bài thơ “Đề Nghĩa vương miếu”²⁸ được ông làm khi còn làm quan Tri huyện ở Đức Thọ (Hà Tĩnh), nhân một lần đi qua miếu thờ tướng quân Nguyễn Biểu ở làng Bình Hồ. Ông làm bài thơ này để bày tỏ lòng cảm phục trước nghĩa khí và tinh thần chiến đấu của người anh hùng chống giặc Minh thời hậu Trần.

Đề Nghĩa vương miếu

²⁷. Phan Trần Chúc (1995), Sđd, tr.161.

²⁸. Nghĩa vương tức Nguyễn Biểu, người làng Bình Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đời Trần Trung Quang, làm chức Ngự sử được cử đi sứ sang gặp tướng nhà Minh là Trương Phụ đóng ở núi Thành (Nghệ An). Phụ dọn cỗ đầu người, ông lấy đũa khoét một con mắt ăn xong ra về. Phụ cho lính đuổi theo, ông biết chắc sẽ bị giết, liền cầm bút viết 8 chữ: “Thất nghịệt sơ nhất nhật Nguyễn Biểu tử” (Ngày mùng một tháng 7, Nguyễn Biểu chết) vào cột cầu, rồi trở lại mắng Trương Phụ trước khi bị giết.

“Đông A nhật mộ khởi hoàng phân
Mã sậu hoa nguyên thuộc gián thân
Năng đạ nhân đầu năng đạ Phụ
Thượng tôn ngô thiết thượng tôn Trần
Nhất thanh mạ tặc hưởng thiên địa
Bát tự đề điều khấp quý thân
Thê thảng Bình Hồ thiên cổ miếu
Y y chính khí dân thanh phân
Hàm Nghi Ất Dậu xuân

Dịch nghĩa:

Vận Đông A như ngày sắp tối, mây vàng nổi lên
Việc cười ngựa vượt cánh đồng hoa lại giao cho một vị quan chuyên việc
can gián.

Nuốt được đầu người thì nuốt được Trương Phụ
Hãy còn cái lưỡi của ta thì hãy còn nhà Trần
Một tiếng mắng giặc vang dội trời đất,
Tám chữ đề ở đầu câu cảm động đến quý thân phải khóc
Phảng phất nơi miếu cổ từ nghìn xưa ở đất Bình Hồ
Chính khí vẫn còn mãi bốc lên mùi thơm trong nhẹ
Mùa xuân năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi

Dịch thơ:

Đề miếu Nguyễn Biểu

“Đông A ngày tối đám mây vẫn
Ngựa vượt đồng hoa cây gián thân
Hễ nuốt đầu người thì nuốt Phụ
Hãy còn tác lưỡi vẫn còn Trần
Một câu chửi giặc vang trời đất
Tám chữ đề câu khóc quý thân
Miếu cổ Bình Hồ còn phảng phất
Mùi thơm chính khí tỏa láng láng”²⁹

(Khương Hữu Dụng dịch)

Khi bị bắt, bị thương, ông vẫn không quên gọi người học trò đi theo hầu hạ

²⁹. Hợp tuyển thơ văn yêu nước, Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1900), Nxb Văn học, Hà Nội, 1976, tr.328-329.

minh, dặn dò và để lại cho các chiến sĩ những lời tâm huyết:

Trung nghĩa hữu trung nghĩa chi báo

Tích thiện phùng tích thiện chi nhân

Có nghĩa:

(Người trung nghĩa ắt gặt việc trung nghĩa đền đáp, làm điều lành sẽ gặp người lành trả ơn). Và viết lại hai câu thơ tỏ rõ ý chí của mình.

Bị đãi thời tác

“Sổ thế quân ân thù nhất tử

Thập niên hoạn nghiệp túc tam sinh”

Câu đối làm khi bị bắt

(Ơn nước mấy đời đền một chết

Nghề quan mười tuổi vẹn ba sinh).³⁰

Hai câu thơ này hiện nay còn có một di bản khác mà theo bài viết của thượng úy Trần Anh Tuấn về Nguyễn Phạm Tuấn đăng trong Danh nhân Quân sự Việt Nam, tập 5, Thời Nguyễn - Kháng chiến chống thực dân Pháp và giai đoạn đầu Cần Vương thì hai câu thơ này được viết:

“Lịch thế quốc ân thường nhất tử

Bách niên gia trạch ký tam sinh”.

Dịch nghĩa:

“Ơn nước bao đời đền bằng một cái chết

Phúc nhà trăm năm gửi lại kiếp ba sinh”³¹

Đối với hậu thế

Đã 125 năm trôi qua kể từ ngày ông mất, nhưng tên tuổi Nguyễn Phạm Tuấn vẫn gắn liền với những địa danh như tên làng, tên phố, tên đường. Hình ảnh, công lao cùng ý chí kiên cường của ông vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Quảng Bình nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Hiện nay, tên ông được đặt cho một đường phố thuộc phường Điện Biên, quận Ba Đình, thủ đô Hà Nội. Thời Pháp thuộc là đường 143 (Voie 143). Sau cách mạng gọi phố Hàm Nghi. Thời tạm chiếm đến nay đặt tên Nguyễn Phạm Tuấn; Ở thành phố Hồ Chí Minh, tên ông cũng được đặt cho một con đường ở khu vực quận 6; Ở thành phố Đồng Hới, tên ông được đặt cho tên một con đường ở phường Hải Đình; Ở Đà Nẵng, tên Nguyễn Phạm Tuấn được đặt cho một con đường ở phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành.

³⁰. Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thê (2006), Sđd, tr.854.

³¹. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), Sđd, tr.176.

4. Một số kiến nghị sau khi tìm hiểu về danh nhân Nguyễn Phạm Tuân

Qua việc tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp cũng như những đóng góp của Nguyễn Phạm Tuân, tôi xin đưa ra một vài kiến nghị:

Như đã nói ở trên thì hiện có nhiều con đường, con phố ở cả thủ đô lẫn các thành phố mang tên Nguyễn Phạm Tuân. Song không phải mỗi người dân ở phố đó, hay những người hàng ngày đi trên con đường đó có thể biết được Nguyễn Phạm Tuân là ai? Tại sao tên ông lại được dùng để đặt tên lên đây? Vì vậy, liệu chẳng ở những nơi này cũng những nơi khác mà có dùng tên danh nhân đặt tên, chúng ta nên có một tấm bảng giới thiệu về danh nhân đó, hoặc nếu quy mô lớn hơn nữa chúng ta có thể khắc tượng đài và đặt bia khắc một số nét chính về cuộc đời, sự nghiệp của các ông.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, Quảng Bình nói riêng và cả nước ta hiện nay vẫn chưa có trường học nào mang tên ông. Sau hội thảo này, một lần nữa công lao to lớn của ông được nhìn nhận và đánh giá. Vậy liệu chẳng trong tương lai, chúng ta nên dùng tên ông để đặt tên cho trường học, nhằm giáo dục các thế hệ học sinh nối tiếp, noi gương ông về đạo đức, nhân cách, khí tiết làm người.

Để tưởng nhớ ông - một người con trung với nước, hiếu với dân, tận tụy, gian khổ một lòng vì tổ quốc, giang sơn, theo tôi, tỉnh Quảng Bình cần cho xây dựng đền thờ ông ở địa phương để làm nơi cho người dân địa phương, con cháu ông và lớp trẻ thế hệ hôm nay và mai sau ở Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung có thể thắp hương, tưởng nhớ. Đây là một nghĩa cử cho thấy việc chúng ta đã nhìn nhận, đánh giá được một phần công lao mà ông đã làm vì quê hương, đất nước. Đồng thời, đền thờ ông nếu được xây dựng cũng góp phần thêm cho một địa chỉ đỏ trong du lịch của tỉnh nhà.

Từ khi ra làm quan đến lúc qua đời, Nguyễn Phạm Tuân một lòng đấu tranh chống thực dân xâm lược. Khi vua Hàm Nghi ra Quảng Bình xuống chiếu Cần Vương, ông là một trong những sĩ phu đầu tiên hưởng ứng phong trào và chiến đấu quên mình làm cho địch gặp vô vàn khó khăn. Cho tới lúc gần qua đời, ông vẫn không thoái chí, vẫn động viên nghĩa quân chiến đấu vì độc lập dân tộc. Tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất và ngọn lửa hồng truyền thống của ông vẫn luôn luôn cháy rục trong lòng nhân dân cả nước nói chung và Quảng Bình nói riêng.

Ông là tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu quả cảm, khí phách hiên ngang, bất khuất trước kẻ thù trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Cuộc đời, sự nghiệp của ông xứng đáng được tôn vinh và ngưỡng mộ.

Tài liệu trích dẫn:

1. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2010), *Danh nhân Quân sự Việt Nam*, tập 5, Thời Nguyễn - Kháng chiến chống thực dân Pháp và giai đoạn đầu Cần Vương, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
2. Phan Trần Chúc (1995), *Vua Hàm Nghi*, Nxb Thuận Hóa.
3. Trần Trọng Kim (1999), *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
4. Hợp tuyển thơ văn yêu nước, *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1900)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.
5. Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997), *Danh nhân Quảng Bình*, tập 2, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 9, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Bá Thê (1997), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội.